

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3600506058 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/08/2001, thay đổi lần thứ 13 ngày 21/12/2017)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU:

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI

Trụ sở chính : Đường số 02, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0251.3836151 Fax: 0251.3836141

Website : www.donagamex.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Bùi Thế Kích Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Điện thoại : 0251.3836151 Fax: 0251.3836141

Tp. Hồ Chí Minh tháng 8 năm 2018

DANH MỤC KHÁI NIỆM/ĐỊNH NGHĨA/TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

| | |
|-----------------------------|--|
| - BCTC | Báo cáo tài chính |
| - BKS | Ban kiểm soát |
| - CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| - CNĐKKD | Chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| - Công ty/DONAGAMEX | Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| - CTCP | Công ty cổ phần |
| - ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| - Điều lệ | Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Công ty May Đồng Nai |
| - HĐQT | Hội đồng quản trị |
| - HĐKD | Hoạt động kinh doanh |
| - KBSV | Công ty cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam |
| - PTGD | Phó Tổng Giám đốc |
| - SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| - TGD | Tổng Giám đốc |
| - TMCP | Thương mại cổ phần |
| - TNXH | Trách nhiệm xã hội |
| - TCĐKGD | Tổ chức đăng ký giao dịch |
| - Tổ chức đăng ký giao dịch | Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| - TSCĐ | Tài sản cố định |
| - UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| DANH MỤC KHÁI NIỆM/ĐỊNH NGHĨA/TỪ VIẾT TẮT | 2 |
| DANH MỤC BẢNG | 4 |
| I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH | 5 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 5 |
| 2. Cơ cấu tổ chức Công ty..... | 8 |
| 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông của Công ty | 10 |
| 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng | 11 |
| 5. Hoạt động kinh doanh | 13 |
| 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất | 14 |
| 7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 15 |
| 8. Chính sách đối với người lao động | 16 |
| 9. Chính sách cổ tức..... | 18 |
| 10. Tình hình tài chính..... | 18 |
| 11. Tài sản thuộc sở hữu của Công ty: | 22 |
| 12. Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo..... | 22 |
| 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty đại chúng..... | 23 |
| 14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh | 23 |
| 15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty | 24 |
| II. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 24 |
| 1. Hội đồng quản trị | 24 |
| 2. Ban kiểm soát | 29 |
| 3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý..... | 32 |
| 4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty | 34 |
| III. PHỤ LỤC..... | 34 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 1: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty | 7 |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông của Công ty nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần..... | 10 |
| Bảng 3: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 05/04/2018 | 11 |
| Bảng 4: Danh sách Công ty con..... | 11 |
| Bảng 5: Danh sách Công ty liên kết | 12 |
| Bảng 6: Kết quả hoạt động SXKD Công ty mẹ năm 2016-2017, 6 tháng đầu năm 2018..... | 14 |
| Bảng 7: Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm 2016-2017, 6 tháng đầu năm 2018 | 15 |
| Bảng 8: Cơ cấu lao động..... | 17 |
| Bảng 9: Mức lương bình quân..... | 18 |
| Bảng 10: Tỷ lệ cổ tức qua các năm | 18 |
| Bảng 11: Số dư các quỹ năm 2016, 2017, 6 tháng đầu năm 2018 | 18 |
| Bảng 12: Tổng dư nợ vay của Công ty | 19 |
| Bảng 13: Các khoản phải thu..... | 19 |
| Bảng 14: Các khoản phải trả | 20 |
| Bảng 15: Các khoản đầu tư tài chính Công ty mẹ | 20 |
| Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 21 |
| Bảng 17: Giá trị TSCĐ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017..... | 22 |
| Bảng 18: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 22 |
| Bảng 19: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 | 22 |
| Bảng 20: Danh sách HĐQT..... | 24 |
| Bảng 21: Danh sách BKS..... | 29 |
| Bảng 22: Danh sách Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý..... | 32 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|---|---|
| Hình 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty | 8 |
|---|---|

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về Doanh nghiệp

- Tên tiếng Việt : **Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai**
- Tên tiếng Anh : Dong Nai Garment Corporation
- Tên viết tắt : DONAGAMEX
- Địa chỉ trụ sở chính : Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251.3836151
- Fax : 0251.3836141
- Website : www.donagamex.com.vn
- Vốn điều lệ đăng ký : 109.355.840.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 109.355.840.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật : Bùi Thế Kích – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ngày trở thành Công ty đại chúng : 29/06/2007
- Giấy CNĐKKD : số 3600506058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/08/2001, thay đổi lần thứ 13 ngày 21/12/2017.
- Logo :



- Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất hàng may sẵn; May trang phục; Kinh doanh các mặt hàng, thiết bị phụ tùng ngành dệt may, các sản phẩm của ngành dệt may; Bán buôn hàng may mặc, vải không dệt, các sản phẩm của ngành dệt may

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Mã chứng khoán: MDN
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 10.935.584 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCDKGD: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tính đến ngày 05/04/2018, các nhà đầu tư nước ngoài không sở hữu cổ phần nào của Công ty, tương đương 0% vốn điều lệ.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1974** : CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai tiền thân là Doanh nghiệp có tên Quốc tế sản xuất Y Trang – International Garment Manufacturer (“IGM”) do 14 cổ đông chủ tư bản người Đài Loan thành lập năm 1974.
- Năm 1975** : Sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, Công ty Quốc tế sản xuất Y Trang được tiếp quản và đổi tên là Nhà máy quốc tế Y Trang.
- Năm 1977** : Tổng cục Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số: 673/CNn-TCLĐ chuyển đổi sở hữu Nhà máy quốc tế Y Trang với tên gọi mới là Xí nghiệp May Đồng Nai.
- Năm 1992** : Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số: 491/CNn-TCLĐ nâng cấp Xí nghiệp May Đồng Nai thành Công ty May Đồng Nai.
- Năm 1993** : Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số: 415/CNn-TCLĐ thành lập Công ty May Đồng Nai-Thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp May Việt Nam.
- Năm 1995** : Công ty May Đồng Nai là thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (Vinatex)-nay là Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 253/TTg của Thủ tướng Chính phủ.
- Năm 2001** : Thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, Công ty May Đồng Nai được tiến hành cổ phần hóa. Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 640/QĐ-TTg chuyển Công ty May Đồng Nai thành Công ty cổ phần May Đồng Nai, các đại biểu cổ đông của Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập vào ngày 13/8/2001. CTCP May Đồng Nai được thành lập theo giấy CNĐKKD số 4703000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 28/08/2001 với vốn điều lệ là 13.000.000.000 đồng
- Năm 2006** : Công ty là thành viên liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam-Vinatex theo Hợp đồng số 1405/HĐ-TĐDMVN ngày 29/06/2006.
- Năm 2007** : Công ty chính thức là Công ty đại chúng được đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước với mức vốn điều lệ là 13 tỷ đồng. Ngay trong năm 2007 Công ty thực hiện phát hành thêm bằng hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và người lao động để tăng Vốn điều lệ lên 20.800.000.000 đồng.
- Năm 2009** : Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và chuyển đổi trái phiếu từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2007 nâng Vốn điều lệ lên 30.650.600.000 đồng
- Năm 2010** : Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu nâng Vốn điều lệ lên 39.844.850.000 đồng và chính thức hoạt động theo mô hình Tổng Công ty với tên gọi mới là Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai theo Quyết định số 278/QĐ-ĐHCD và Giấy CNĐKKD số 3600506058 sửa đổi lần thứ 6 với Vốn điều lệ là 39.844.850.000 đồng
- Năm 2011** : CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai là thành viên Tập đoàn Vinatex theo Hợp đồng số 296/HĐ_TĐDMVN ngày 04/01/2011.
- Năm 2012** : Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu nâng Vốn điều lệ lên 59.766.760.000 đồng
- Năm 2017:** Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cho cổ đông hiện hữu nâng vốn điều lệ lên 109.355.840.000 đồng, mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành nhằm bổ sung vốn lưu động mua nguyên vật liệu hàng may mặc, đầu tư chiều sâu tăng cường máy móc thiết bị chuyên dùng và đầu tư vào Cụm công nghiệp Hưng Lộc.
- Hiện nay:** Công ty hoạt động theo giấy CNĐKKD số 3600506058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/08/2001, thay đổi lần thứ 13 ngày 21/12/2017 với Vốn điều lệ là 109.355.840.000 đồng.

1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Bảng 1: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

DVT: đồng

| Lần tăng vốn | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ sau phát hành (đồng) | Hình thức phát hành | Cơ sở pháp lý |
|--------------|------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|---|---|
| | 29/06/2007 | | 13.000.000.000 | | Thời điểm Công ty trở thành Công ty đại chúng |
| 1(*) | 07/2007 | 7.800.000.000 | 20.800.000.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu : 52.000 cổ phiếu - Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động Công ty : 26.000 cổ phiếu (mệnh giá cổ phiếu: 100.000 đồng/ cổ phiếu) | <p>Nghị quyết ĐHCĐ năm 2007 số 198/2007/NQ-ĐHCĐ ngày 16/06/2007</p> <p>Giấy CNĐKKD số 4703000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 13/08/2007</p> |
| 2(**) | 03/2009 | 9.850.600.000 | 30.650.600.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu: 416.000 cổ phiếu; - Chuyển đổi trái phiếu từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2007 : 569.060 cổ phiếu (mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu) | <p>Nghị quyết ĐHCĐ năm 2009 số 208/NQ-ĐHCĐ ngày 16/03/2009</p> <p>Giấy CNĐKKD số 4703000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 5 ngày 24/03/2009</p> |
| 3(**) | 04/2010 | 9.194.250.000 | 39.844.850.000 | Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu | <p>Nghị quyết ĐHCĐ năm 2010 số 170/NQ-ĐHCĐ ngày 27/03/2010</p> <p>Giấy CNĐKKD số 3600506058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 01/07/2010</p> |
| 4(**) | 04/2012 | 19.921.900.000 | 59.766.760.000 | Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu | <p>Nghị quyết ĐHCĐ năm 2012 số 387/NQ-ĐHCĐ ngày 02/04/2012</p> <p>Giấy CNĐKKD số 3600506058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, thay đổi lần thứ</p> |

| Lần tăng vốn | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ sau phát hành (đồng) | Hình thức phát hành | Cơ sở pháp lý |
|--------------|------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|---|--|
| 5 | 11/2017 | 49.589.080.000 | 109.355.840.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu: 2.988.319 cổ phiếu - Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 1.970.589 cổ phiếu | <p>10 ngày 21/05/2015</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 số 331/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2017</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 70/GC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/10/2017</p> <p>Giấy CNĐKKD số 3600506058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 21/12/2017</p> |

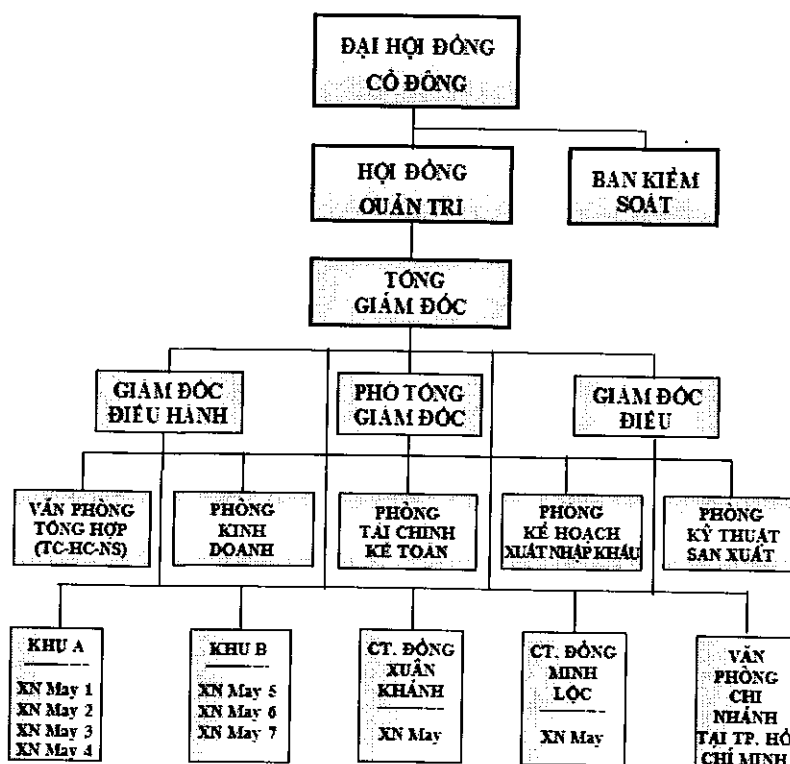
(Nguồn: DONAGAMEX)

(*): Năm 2007 Công ty có thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng nhưng không đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, UBCKNN đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 419/QĐ-UBCK ngày 13/07/2009. Theo đó, Công ty bị phạt 25.000.000 đồng và Công ty đã nộp phạt ngày 15/07/2009.

(**): Các đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2009, 2010, 2012 đều đã được UBCKNN chấp thuận cho phép phát hành và Công ty đã gửi Báo cáo kết quả phát hành tới UBCKNN sau khi kết thúc đợt phát hành.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty



(Nguồn: DONAGAMEX)

2.1. Đại hội đồng cổ đông:

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.2. Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người nhiều nhất là bảy (07) người. HĐQT nhiệm kỳ hiện tại bao gồm năm (05) thành viên chịu trách nhiệm giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2.3. Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. BKS phải có ít nhất 1 thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2.4. Ban Tổng Giám đốc:

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, và các Giám đốc điều hành do HĐQT bổ nhiệm. Việc thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT. Trách nhiệm và quyền hạn chính của TGD như sau:

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT.
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết.
- Tham khảo ý kiến HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.
- Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.

2.5. Các phòng nghiệp vụ:

- **Phòng kinh doanh:** Nghiên cứu và phát triển kinh doanh sản phẩm nội địa thương hiệu may Donagame và các mặt hàng phục vụ cho ngành may mặc. Nghiên cứu và phát triển các loại hình kinh doanh mới (ngoài may mặc) của Công ty; Khai thác, cung ứng vật tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nội địa; Quản lý thương hiệu và nhãn hiệu.
- **Văn phòng tổng hợp:** Văn phòng Tổng hợp Công ty là đơn vị giúp việc cho Tổng Giám Đốc, có chức năng điều phối các hoạt động chung trong Công ty đảm bảo tính thống nhất, liên tục và có hiệu lực chung trong các hoạt động của Tổng Công ty; tham mưu cho Tổng Giám Đốc trong công tác lãnh đạo, điều hành và quản lý về công tác tổ chức - lao động - tiền lương, công tác quản trị hành chính, và công tác văn thư, lưu trữ; quản lý và điều động xe con, công tác đánh giá sự phối hợp khách hàng, duy trì hệ thống quản lý.
- **Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu:** Xây dựng chiến lược cũng như kế hoạch xuất - nhập khẩu của toàn Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của ngành dệt may; Tiến hành các hoạt động tiếp xúc, đàm phán, thỏa thuận, ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước có liên quan đến công tác xuất nhập khẩu; Trực tiếp theo dõi và triển khai thực hiện các hợp đồng gia công, hợp đồng mua nguyên phụ liệu bán sản phẩm (hợp đồng FOB) xuất nhập khẩu; triển khai thực hiện các hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu, các hợp đồng mua bán ngoại thương, hợp đồng chuyển giao công nghệ với nước ngoài; Phối hợp với phòng Kinh doanh, văn phòng Tổng hợp tổ chức, tham gia hội nghị khách hàng; hội chợ triển lãm; Chuẩn bị nội dung các cuộc họp giao ban về nghiệp vụ kinh doanh xuất - nhập khẩu; kịp thời đề xuất các giải pháp kinh doanh xuất - nhập khẩu.
- **Phòng Tài chính kế toán:** Có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phân tích, hoạch định và kiểm soát tài chính kế toán trên phạm vi toàn Công ty; chấp hành thực hiện đầy đủ theo đúng các chế độ và quy định của nhà nước trong quản lý vốn và tài sản tại doanh nghiệp. Quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu của Công ty.
- **Phòng Kỹ Thuật sản xuất:**
 - Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật, các chương trình quản lý vào sản xuất - kinh doanh; Xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển về kỹ thuật khoa học - công nghệ và môi trường trong Công ty.

- Quản lý quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm của Công ty; nghiên cứu cải tiến, đổi mới hoặc áp dụng những quy trình công nghệ hiện đại khác vào sản xuất;
 - Thiết kế các mẫu, mã, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp... để đưa vào sản xuất - kinh doanh; đăng ký và quản lý về sở hữu công nghiệp;
 - Quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật - công nghệ; Quản lý, triển khai kỹ thuật và mẫu mã hàng hóa (FOB) chuẩn bị cho sản xuất; Làm việc với khách hàng về các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong sản xuất;
 - Xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương theo quy định; Quản lý máy móc thiết bị và hệ thống cung cấp điện sinh hoạt, sản xuất trong toàn Công ty;
 - Quản lý, theo dõi và kiểm tra về số lượng, chất lượng các máy móc thiết bị, phụ tùng, công cụ gá lắp: Lập kế hoạch và hướng dẫn các Xí Nghiệp thành viên về công tác sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, lưu trữ hồ sơ về thiết bị cơ - điện; Xây dựng và ban hành các quy định về việc sử dụng, vận hành, chế độ an toàn, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
 - Thực hiện các công tác về bảo hộ lao động; nghiên cứu đánh giá tác động môi trường; bảo vệ môi trường trong Công ty theo quy định; Tham gia công tác đào tạo về kỹ năng, tay nghề cho người lao động; Chuẩn bị nội dung các cuộc họp chuyên đề với các Xí Nghiệp thành viên bàn về công tác kỹ thuật, khoa học - công nghệ;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác về công tác kỹ thuật, khoa học - công nghệ theo sự chỉ đạo của Tổng Giám Đốc.
- **Các Xí nghiệp sản xuất sản phẩm may mặc** bao gồm Khu A, Khu B, Công ty Đồng Minh Lộc, Công ty Đồng Xuân Khánh. Các đơn vị này có chức năng thực hiện sản xuất hoàn chỉnh sản phẩm may mặc, gồm các khâu từ nhận nguyên phụ liệu đến khi kết thúc việc xuất hàng.
 - **Văn phòng chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Chịu trách nhiệm tổ chức huấn luyện, triển khai các hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty; Thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập khẩu bao gồm: Làm thủ tục đăng ký (hợp đồng, tờ khai...); lập bộ hồ sơ, chứng từ xuất-nhập khẩu; giao nhận hàng hóa xuất-nhập khẩu; tiến hành thanh lý các hợp đồng xuất-nhập khẩu với khách hàng và với cơ quan Hải quan; thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập khẩu khác; Phối hợp với phòng Kế toán-TC lập chứng từ và thực hiện các thủ tục thanh toán quốc tế; Thực hiện công tác thống kê, lập báo cáo về hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty theo quy định; Giao dịch với Hải quan và các cơ quan hữu quan để phục vụ cho công tác nghiệp vụ xuất nhập khẩu.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông của Công ty

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 05/04/2018

Bảng 2: Danh sách cổ đông của Công ty nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

| TT | Tên cổ đông | Địa chỉ | CNĐKKD/ CMND | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
|----|---|--|-----------------|----------------|--------------|
| 1 | Tập đoàn Dệt May Việt Nam Người đại diện phần vốn: Ông Bùi Thế Kích | 25 Bà Triệu, P.Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội | 0100100008 | 2.810.808 | 25,70 |
| 2 | Ông Bùi Thế Kích | AA 7, Thất Sơn, Cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10, HCM | 271202771 | 2.354.682 | 21,53 |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thanh | 386/3D, Lê Văn Sỹ, P.14, Q.3, HCM | 024208026 | 565.125 | 5,17 |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Bích Lan | AA 7, Thất Sơn, Cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10, HCM | 270661608 | 609.298 | 5,57 |
| 5 | Ông Vũ Minh Hoàng | 2/24A, Tăng Bạt Hổ, Phường 11, Q.Bình Thạnh, TpHCM | 024147327 | 548.548 | 5,02 |
| 6 | Ông Nguyễn Khắc Biểu | P4, Lô 19, Chung Cư 91, Phạm Văn Hai, P.3, Q.Tân Bình, HCM | 024097906 | 603.985 | 5,52 |

| TT | Tên cổ đông | Địa chỉ | CNĐKKD/ CMND | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
|----|------------------|---------|-----------------|------------------|--------------|
| | Tổng cộng | | | 7.492.446 | 68,51 |

(Nguồn: Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của DONAGAMEX chốt ngày 05/04/2018)

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu năm 2001, do vậy, cho đến thời điểm hiện nay, theo Luật Doanh nghiệp các hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập Công ty đều hết hiệu lực.

3.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 05/04/2018

Vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 05/04/2018 là **109.355.840.000** đồng, được chia thành **10.935.584** cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn cổ phần như sau:

Bảng 3: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 05/04/2018

| TT | Cổ đông | Số lượng cổ đồng | Số cổ phần | Giá trị theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|------------|---------------------------|---------------------|-------------------|---------------------------------|--------------|
| I | Cổ đông trong nước | 103 | 10.935.584 | 109.355.840.000 | 100 |
| 1 | Tổ chức | 1 | 2.810.808 | 28.108.080.000 | 25,7 |
| 2 | Cá nhân | 102 | 8.124.776 | 81.247.760.000 | 74,3 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Tổ chức | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cá nhân | 0 | 0 | 0 | 0 |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 103 | 10.935.584 | 109.355.840.000 | 100 |

(Nguồn: Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của DONAGAMEX chốt ngày 05/04/2018)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch

4.1 Danh sách những Công ty mẹ của Tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

4.2 Danh sách những Công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch

Bảng 4: Danh sách Công ty con

ĐVT: Tỷ đồng

| Tên Công ty | Địa chỉ | Giấy CNĐKKD | Ngành nghề kinh doanh | Vốn điều lệ đăng ký | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty con |
|----------------------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|---|
| CTCP Đông Thắng | Đường số 2, Khu công nghiệp Biên | Giấy CNĐKKD số 3602313823 | Sản xuất, gia công các sản | 1,9 | 1,9 | 52,63% |

| Tên Công ty | Địa chỉ | Giấy CNĐKKD | Ngành nghề kinh doanh | Vốn điều lệ đăng ký | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty con |
|---------------------------|--|--|--|---------------------|----------------------|---|
| | Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 0251.8605059 | do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/05/2010 | phẩm ngành nhựa (ép nhựa, thổi nhựa, nhựa định hình) | | | |
| CTCP May Định Quán | 116, QL20, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 0251.3615770 | Giấy CNĐKKD số 3603061706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/07/2013 | Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc | 15 | 15 | 53,33% |
| CTCP Đông Bình | Khu đất mới, Thị Trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 0241.3670388 | Giấy CNĐKKD số 2300321784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 08/01/2008 | Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc | 18 | 18 | 59,17% |
| CTCP Đồng Xuân Lộc | Km 1783, Quốc Lộ 1A, Ấp 3, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 02513.871113 | Giấy CNĐKKD số 3603389751 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/07/2016 | Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc | 18 | 17.2 | 57,33% |

(Nguồn: DONAGAMEX)

4.3 Danh sách những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Bảng 5: Danh sách Công ty liên kết

ĐVT: Tỷ đồng

| Tên Công ty | Địa chỉ | Giấy CNĐKKD | Ngành nghề kinh doanh | Vốn điều lệ đăng ký | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ vốn góp của Công ty |
|---------------------------|--|--|-----------------------|---------------------|----------------------|---------------------------|
| CTCP Đồng Minh Phú | Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 02513836271 | Giấy CNĐKKD số 3602091338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/10/2009 | Thêu vi tính | 1,5 | 1.5 | 30,00% |
| CTCP Đồng | Đường số 2, Khu công nghiệp Biên | Giấy CNĐKKD số 3602494432 | Sản xuất kinh doanh | 20 | 20 | 25,00% |

| Tên Công ty | Địa chỉ | Giấy CNĐKKD | Ngành nghề kinh doanh | Vốn điều lệ đăng ký | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ vốn góp của Công ty |
|-----------------|--|--|-----------------------|---------------------|----------------------|---------------------------|
| Việt Phú | Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 02518616203 | do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 09/05/2011 | vải không dệt | | | |

(Nguồn: DONAGAMEX)

4.4 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch

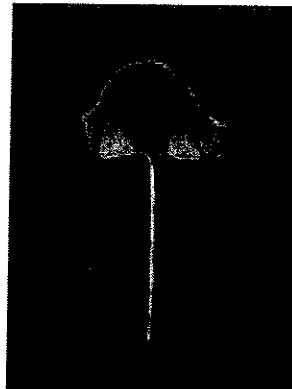
Không có

5. Hoạt động kinh doanh

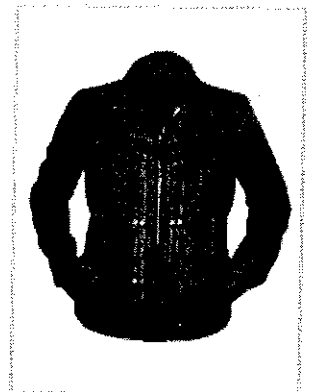
Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là gia công may mặc, các sản phẩm chủ yếu bao gồm: Áo Jacket, sơ mi, quần và sản phẩm các loại về may mặc.



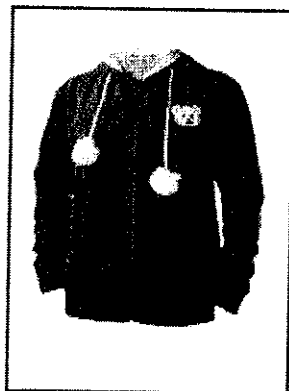
JACKET NỮ 2 LỚP



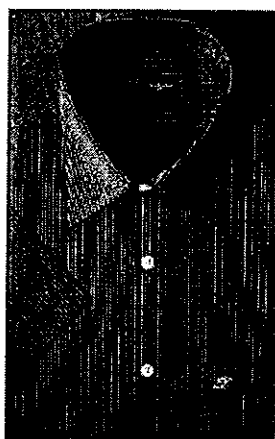
ÁO JACKET NỮ TK 11080



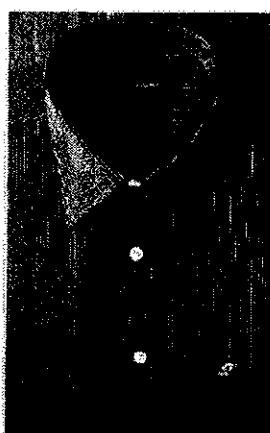
JK 40 JEAN



JK 38



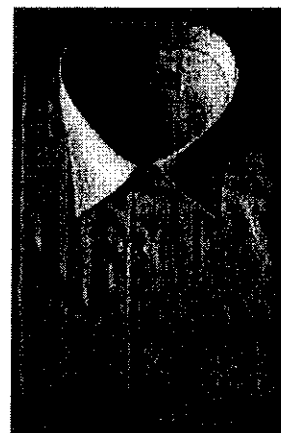
CHEMISE



CHEMISE



CHEMISE



CHEMISE

Sản lượng sản xuất năm 2016 là 3,85 triệu sản phẩm mang lại 41,6 triệu USD doanh thu, sản lượng sản xuất năm 2017 là 2,98 triệu sản phẩm mang lại 34,3 triệu USD doanh thu.

98% Doanh thu của Công ty là từ hoạt động xuất khẩu, thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, EU với tỷ trọng năm 2017 (tính trên doanh thu) là Nhật chiếm 43,33%, Mỹ chiếm 25.67%, Hàn Quốc chiếm 10,80% và EU chiếm 20,20% với các khách hàng có tên tuổi như Xebec, Mitsubishi, AHS,... Công ty được hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do FTA với Nhật và Hàn Quốc.

Công ty sử dụng nguyên liệu chủ yếu là vải các loại được nhập khẩu chính từ thị trường Trung Quốc, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng trên 55% doanh thu.

Về hoạt động đầu tư, năm 2017 Công ty không đầu tư tài chính vào các đơn vị nào, Công ty tăng cường đầu tư máy móc thiết bị hiện đại cho các đơn vị sản xuất hiện hữu để tăng năng suất với tổng giá trị đầu tư khoảng 10 tỷ đồng. Hiện nay, dự án đầu tư lớn của Công ty chỉ còn Cụm Công nghiệp Hưng Lộc diện tích 40 ha tại xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, vị trí dự án nằm trên tuyến đường Quốc lộ 1, cách thành phố Biên Hòa khoảng 40 km, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 70 Km, cách sân bay Long Thành (dự kiến) khoảng 50 Km, gần ga đường sắt Dầu Giây. Dự án đã được HĐQT phê duyệt dự án với tổng mức đầu tư khoảng 155 tỷ đồng, cho tới nay Công ty đã chuyển xong tiền bồi thường 81 tỷ đồng và đang thực hiện công tác chi tiền cho các hộ dân để nhận bàn giao mặt bằng. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ký Quyết định chủ trương Đầu tư vào ngày 28/10/2015. Định hướng phát triển chung của tỉnh Đồng Nai là khuyến khích đầu tư vào các cụm công nghiệp địa phương bao gồm các ngành nghề mang tính chất chuyên ngành công nghiệp, không gây ô nhiễm môi trường ... Cụm công nghiệp Hưng Lộc được hình thành đúng theo chủ trương của Tỉnh bao gồm các ngành chuyên về dệt may..., đồng thời giải quyết nhu cầu việc làm của người dân địa phương, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Thống Nhất nói riêng và của Tỉnh nói chung.

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 6: Kết quả hoạt động SXKD Công ty mẹ năm 2016-2017, 6 tháng đầu năm 2018

DVT: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Tăng/ giảm (%) | 6T/2018 |
|-------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 508.922.956.860 | 511.170.206.547 | 0,44 | 565.551.113.771 |
| Vốn chủ sở hữu | 144.374.336.200 | 174.920.123.798 | 21,16 | 176.416.599.368 |
| Doanh thu thuần | 951.975.903.138 | 804.156.424.870 | (15,53) | 355.827.491.556 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 12.154.705.657 | 10.328.067.173 | (15,03) | (2.872.431.442) |
| Lợi nhuận khác | 11.938.613.269 | 5.468.507.700 | (54,19) | 20.577.917.597 |
| Lợi nhuận trước thuế | 24.093.318.926 | 15.796.574.873 | (34,44) | 17.705.486.155 |
| Lợi nhuận sau thuế | 19.680.990.291 | 13.062.921.552 | (33,63) | 14.155.233.299 |

| | | | | |
|--------------------------------|--------|--------|---------|--------|
| Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần) | 24.156 | 15.995 | (33,78) | 16.132 |
|--------------------------------|--------|--------|---------|--------|

(Nguồn: DONAGAMEX - BCTC kiểm toán riêng năm 2017, BCTC riêng quý II/2018)

Bảng 7: Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm 2016-2017, 6 tháng đầu năm 2018

ĐVT: đồng

| Chi tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Tăng/ giảm (%) | 6T/2018 |
|----------------------------------|-------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 533.482.680.797 | 530.893.673.542 | (0,5) | 597.117.595.210 |
| Vốn chủ sở hữu | 149.755.115.791 | 178.654.483.403 | 19,3 | 178.793.974.951 |
| Doanh thu thuần | 1.013.800.766.694 | 866.375.850.804 | (14,5) | 400.913.397.372 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 16.376.189.382 | 16.456.479.295 | 0,5 | (4.148.820.670) |
| Lợi nhuận khác | 3.448.712.109 | 1.646.096.552 | (52,3) | 20.194.292.190 |
| Lợi nhuận trước thuế | 19.824.901.491 | 18.102.575.847 | (8,7) | 16.045.471.520 |
| Lợi nhuận sau thuế | 15.293.038.246 | 13.886.458.612 | (9,2) | 11.953.781.201 |
| LNST của công ty mẹ | 13.751.193.982 | 12.653.257.729 | (8) | 13.342.018.638 |
| LNST của cổ đông không kiểm soát | 1.541.844.264 | 1.233.200.883 | (20) | (1.388.237.438) |
| Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần) | 21.323 | 14.413 | (32,4) | 14.472 |

(Nguồn: DONAGAMEX - BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016-2017, BCTC hợp nhất quý II/2018)

Các chỉ tiêu hoạt động SXKD tại BCTC hợp nhất như Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế năm 2017 giảm 14,5% và 9,2% so với năm 2016 là do các nguyên nhân chính như sau:

- Tình hình thị trường, nguồn hàng không thuận lợi còn nhiều đơn hàng nhỏ, lẻ và một số khách hàng tại thị trường mới mở là Hàn Quốc làm ăn chưa đạt uy tín với Công ty;
- Đầu tư mở rộng sản xuất còn dàn trải chưa mạnh về chiều sâu, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại để tăng năng lực sản xuất; Công ty đã nhận thức rõ điều này và đã thực hiện việc đầu tư chiều sâu trong đầu năm 2018;
- Nguồn lao động biến động giảm, không thu hút thêm được lao động đến mức đủ nhân lực sản xuất cho một bộ máy quản lý tại các khu sản xuất;
- Năng lực sản xuất của Công ty không tăng do lao động biến động và tay nghề công nhân mới còn thấp. Năng suất lao động thấp so với các doanh nghiệp trong ngành và chưa có chỉ đạo tập trung, quyết liệt cải thiện năng suất ở các bộ phận; kỷ luật lao động chưa nghiêm;
- Chi phí vốn vay, chi phí nhân công, BHXH, BHYT tăng.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai là đơn vị liên kết Tập đoàn Dệt May Việt Nam - tập đoàn kinh tế mạnh chủ yếu trong lĩnh vực may mặc, với kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng dệt may nên so với các đơn vị khác cùng ngành, vị thế của Doanh nghiệp đã được xác định rõ ràng hơn được thể hiện ở các mặt sau:

- Thương hiệu: Hiện nay, thương hiệu DONAGAMEX đã trở thành thương hiệu uy tín hàng đầu trong xuất khẩu may mặc và được xếp hạng trong các top VNR500, V1000 và FAST500 của cả nước. Đơn vị cũng nhận được nhiều giải thưởng và bằng khen của chính phủ như giải thưởng Sao vàng Đất Việt, danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt May Việt Nam.

- Bộ máy quản trị điều hành: Hệ thống quản trị, điều hành và cơ cấu bộ máy quản lý đã được cải tiến theo hướng đáp ứng nhu cầu quản trị và điều hành của Công ty đại chúng trong quá trình phát triển phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.
- Nguồn nhân lực: Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực may mặc và nhạy bén, sáng tạo là tiền đề cho Doanh nghiệp đạt bước tiến dài trên con đường khẳng định vị thế của mình.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành dệt may Việt Nam có tiềm năng phát triển mạnh hơn nữa khi Việt Nam đàm phán và ký kết thành công các Hiệp định Quốc tế song phương và đa phương. Năm 2018 được nhận định có nhiều thuận lợi hơn như hiệp định CP-TPP đang tái khởi động lại và tình hình thị trường Mỹ, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc vẫn có xu hướng gia tăng sức tiêu thụ; nguồn hàng hóa vẫn đảm bảo cho sản xuất, tiềm năng SXKD của ngành may mặc vẫn còn. Thêm vào đó cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung khiến cho các công ty đa quốc gia của Mỹ đang hoạt động tại Trung Quốc cũng như các công ty nội địa Trung Quốc có động cơ mạnh hơn để chuyển hướng các đơn hàng cũng như hoạt động sản xuất mặt hàng may mặc sang các nước khác nhằm tránh thuế. Các nước có lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực may mặc như Việt Nam, Bangladesh, Campuchia... sẽ được hưởng lợi khi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang.

Hiệp định EVFTA – Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu

Ngày 02/12/2015, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đã được ký kết chính thức tại Brussels. Đây được coi là hiệp định thế hệ mới, tạo ra một kỷ nguyên mới trong quan hệ giữa Việt Nam và 28 quốc gia thuộc liên minh châu Âu, có ý nghĩa lớn với thương mại, đầu tư bởi nền kinh tế của 2 bên có tính bổ sung cao, ít cạnh tranh trực tiếp. Theo nội dung đã đạt được trong các vòng đàm phán, việc ký kết EVFTA sẽ giúp loại bỏ hơn 99% dòng thuế xuất khẩu từ Việt Nam sang EU và ngược lại, trong thời hạn từ 7 đến 10 năm. Hiệp định này sẽ mở ra cơ hội xuất khẩu các sản phẩm cốt lõi của Việt Nam như dệt may, da giày, thủy sản sang một trong những khu vực kinh tế phát triển và có yêu cầu chất lượng, kỹ thuật cao nhất thế giới.

Ngoài việc giúp hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam tiếp cận thuận lợi hơn với thị trường 500 triệu dân của EU, FTA cũng sẽ tạo ra lợi thế về đầu tư của EU. Tác động lớn nhất là các doanh nghiệp đầu tư vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, một mắt xích được coi là rất yếu kém của sản xuất công nghiệp Việt Nam sẽ có được lợi thế lớn khi đầu tư sau FTA.

Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may

Mục tiêu cho ngành Dệt may từ năm 2017-2020, Dệt may Việt Nam sẽ phấn đấu đứng trong top hai, hoặc top ba các nước xuất khẩu dệt may lớn nhất trên toàn thế giới. Đồng thời, Việt Nam sẽ phấn đấu để 5-7% thương hiệu Việt hội nhập và có chỗ đứng trong ngành thời trang, dệt may của thế giới.

Đối với thị trường nội địa, tháng 04/2014, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Dệt may đến năm 2020 tầm nhìn 2030 (Quyết định 3218/QĐ-BCT) với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% - 12% và một số quan điểm đáng lưu ý như sau:

Với quan điểm phát triển ngành dệt may theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển dịch hướng sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm; đảm bảo nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa, tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành; phát triển các khu công nghiệp sợi dệt nhuộm tập trung để tạo điều kiện xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

Ngành Dệt may không những chiếm vị trí rất quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp của Việt Nam mà đó còn là ngành được Chính phủ đặt làm ngành kinh tế mũi nhọn của Quốc gia. Do vậy, Nhà nước sẽ chú trọng đến việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngành may mặc của các Công ty bằng cách đưa ra các chính sách đẩy mạnh, khuyến khích các doanh nghiệp may sản xuất để xuất khẩu, tận dụng cơ hội thị trường; xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, y tế; và phát triển nguồn nguyên liệu bông, sợi, phụ liệu thông qua các phương án trồng cây lấy sợi như là bông. Đồng thời, nâng cao tính tự chủ và đẩy mạnh giá trị gia tăng trong từng sản phẩm của các Công ty may mặc Việt Nam.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Cơ cấu lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của May Đồng Nai, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến

lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 30/09/2018, tổng số lao động trong Công ty là 2.340 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 8: Cơ cấu lao động

| Loại lao động | Số lượng (người) |
|----------------------------------|------------------|
| Phân theo giới tính | |
| + Nam | 468 |
| + Nữ | 1.872 |
| Phân theo trình độ | |
| + Trình độ trên đại học | 2 |
| + Trình độ đại học | 57 |
| + Trình độ cao đẳng và trung cấp | 313 |
| + Đối tượng khác | 1.968 |

(Nguồn: DONAGAMEX)

8.2 Chính sách đối với người lao động

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn TNXH, Công ty đã được cấp Chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế về TNXH – SA 8000 và WRAP của Hoa Kỳ. Công nhân trực tiếp sản xuất hưởng lương sản phẩm, công nhân viên gián tiếp phục vụ hưởng lương thời gian, căn cứ theo kết quả doanh thu sản xuất kinh doanh hàng tháng.

▪ Chính sách tuyển dụng

Ban điều hành Công ty trong năm 2017 đã thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết như kiên toàn, sắp xếp lại một số vị trí trong bộ máy quản lý, chuyên môn hóa một số bộ phận sản xuất/phòng ban nhằm phát huy tính năng động, chủ động sáng tạo của mỗi CBCNV, tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục cải tiến công tác tuyển dụng lao động, nâng cao chất lượng tuyển dụng đầu vào, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

▪ Chính sách đào tạo

Chủ yếu đào tạo công nhân may công nghiệp với số lượng khoảng 965 lượt người tuyển dụng trong năm 2017, mỗi người đào tạo khoảng từ 03 tháng, tổng chi phí khoảng trên 10 tỷ đồng (tính theo lương tối thiểu)

Đào tạo và huấn luyện về công tác an toàn, PCCC, vệ sinh lao động, môi trường, theo quy định của pháp luật và theo các tiêu chuẩn quản lý về TNXH trong Công ty.

Ngoài ra, Công ty có các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp đối với cán bộ, công nhân viên khối gián tiếp phục vụ.

▪ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn thực hiện các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động như:

- 100% CBCNV đã ký hợp đồng lao động được cấp sổ BHXH và thẻ BHYT, mua bảo hiểm thân thể 24/24 giờ.
- Trích nộp đầy đủ và đúng thời hạn BHXH, BHYT cho cơ quan bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm suất ăn trưa, đặt thực đơn hàng ngày với nhà ăn để đảm bảo chăm lo sức khỏe cho CBCNV

▪ Mức lương bình quân

Bảng 9: Mức lương bình quân

| Chi tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 |
|--|----------|----------|
| Mức lương bình quân (nghìn đồng/người/tháng) | 6.502 | 7.046 |

*(Nguồn: DONAGAMEX)***9. Chính sách cổ tức**

Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả kinh doanh sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động của năm liền kề theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 10: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

| Chi tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 (dự kiến) |
|--------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tỷ lệ chi trả cổ tức (%) | 10% | 10% | 10% |
| Hình thức thanh toán | Chi trả cổ tức bằng Tiền mặt | Chi trả cổ tức bằng Tiền mặt | Chi trả cổ tức bằng Tiền mặt |
| Tình hình chi trả cổ tức | Đã thanh toán | Đã thanh toán | Chưa thanh toán |

*(Nguồn: DONAGAMEX)***10. Tình hình tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

▪ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao TSCĐ được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc : 08-15 năm
- Máy móc thiết bị : 05-07 năm
- Phương tiện vận tải : 06-08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03-05 năm
- Quyền sử dụng đất : 10-50 năm
- Phần mềm vi tính : 06 năm

▪ Thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty luôn được thực hiện đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

▪ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, các khoản phí/lệ phí khác... theo quy định của pháp luật.

▪ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần, theo điều lệ. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do ĐHCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

Bảng 11: Số dư các quỹ năm 2016, 2017, 6 tháng đầu năm 2018

ĐVT: Đồng

| Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 54.317.536.566 | 25.812.727.497 | 25.812.727.497 |
| Quỹ Khen thưởng phúc lợi | 586.671.323 | 1.355.688.059 | 1.318.063.738 |
| Tổng cộng | 54.904.207.889 | 27.168.415.556 | 27.130.791.235 |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất quý II/2018)

▪ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 12: Tổng dư nợ vay của Công ty

ĐVT: Đồng

| Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn | 221.446.334.362 | 193.447.422.162 | 236.351.607.776 |
| Vay dài hạn | 22.637.798.128 | 13.096.747.877 | 17.443.766.577 |
| Tổng cộng | 244.084.132.490 | 206.544.170.039 | 253.795.374.353 |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất quý II/2018)

▪ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 13: Các khoản phải thu

ĐVT: đồng

| | Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|-----------|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Các khoản phải thu ngắn hạn | 180.195.998.209 | 181.561.186.875 | 164.158.453.086 |
| 1 | Phải thu của khách hàng | 160.963.045.109 | 173.962.917.418 | 157.537.841.380 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 18.522.426.294 | 6.923.789.822 | 5.958.285.522 |
| 3 | Phải thu nội bộ | - | - | - |
| 4 | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | - | - | - |
| 5 | Các khoản phải thu khác | 796.957.069 | 760.909.898 | 748.756.447 |
| 6 | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | (86.430.263) | (86.430.263) | (86.430.263) |
| II | Các khoản phải thu dài hạn | 8.504.697.461 | 2.832.746.461 | 931.922.276 |
| 1 | Phải thu dài hạn của khách hàng | 7.051.530.185 | 1.551.530.185 | - |
| 2 | Phải thu về cho vay dài hạn | - | - | - |

| | Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|---|-----------------------------------|---------------|---------------|-------------|
| 3 | Phải thu dài hạn khác | 1.453.167.276 | 1.281.216.276 | 931.922.276 |
| 4 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | - | - | - |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất quý II/2018)

Bảng 14: Các khoản phải trả

DVT: đồng

| | Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|-----------|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 360.996.233.751 | 339.016.573.183 | 400.879.853.682 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 221.446.334.362 | 193.447.422.162 | 236.351.607.776 |
| 2 | Phải trả người bán ngắn hạn | 95.700.162.639 | 104.940.901.265 | 135.920.044.609 |
| 3 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 9.369.256 | 3.038.615.204 | 5.722.774.444 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.624.922.533 | 2.967.488.259 | 1.620.870.778 |
| 5 | Phải trả người lao động | 37.325.405.012 | 29.938.761.388 | 13.893.007.090 |
| 6 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 427.041.063 | 45.633.535 | 1.411.104.910 |
| 7 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 3.876.327.563 | 3.282.063.311 | 4.642.380.337 |
| 8 | Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 586.671.323 | 1.355.688.059 | 1.318.063.738 |
| II | Nợ dài hạn | 22.731.331.255 | 13.222.616.956 | 17.443.766.577 |
| 1 | Phải trả dài hạn người bán | - | - | - |
| 2 | Phải trả dài hạn nội bộ | - | - | - |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | - | - | - |
| 4 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 22.637.798.128 | 13.096.747.877 | 17.443.766.577 |
| 5 | Doanh thu chưa thực hiện | 93.533.127 | 125.869.079 | - |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất quý II/2018)

▪ **Đầu tư tài chính**

Bảng 15: Các khoản đầu tư tài chính Công ty mẹ

DVT: đồng

| | Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|--|---------------------------|----------------|----------------|----------------|
| | Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - |
| | Đầu tư tài chính dài hạn | 38.539.887.353 | 37.234.054.767 | 37.234.054.767 |

| Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Đầu tư vào công ty con | 33.710.000.000 | 33.710.000.000 | 33.710.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 5.450.000.000 | 5.450.000.000 | 5.450.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (620.112.647) | (1.925.945.233) | (1.925.945.233) |
| Tổng cộng | 38.539.887.353 | 37.234.054.767 | 37.234.054.767 |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017, BCTC riêng quý II/2018)

▪ **Hàng tồn kho**

ĐVT: đồng

| Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|--------------------------------|----------------|----------------|-----------------|
| Hàng tồn kho | 88.812.138.410 | 90.223.464.822 | 171.046.335.233 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (522.684.000) | (522.684.000) | (522.684.000) |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất quý II/2018)

▪ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2016 | Năm 2017 |
|---|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,95 | 1,04 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,70 | 0,77 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,72 | 0,66 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,56 | 1,97 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Lần | 10,50 | 8,83 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Lần | 1,90 | 1,63 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 1,51 | 1,60 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 9,18 | 7,7 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 2,58 | 2,38 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 1,62 | 1,9 |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, KBSV tổng hợp)

11. Tài sản thuộc sở hữu của Công ty:

▪ **Tình hình Tài sản cố định**

Bảng 17: Giá trị TSCĐ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

ĐVT: đồng

| Stt | Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại / Nguyên giá |
|------------|---------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------|
| I | TSCĐ hữu hình | 340.215.277.578 | 129.431.905.617 | 38,04 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 156.872.215.999 | 71.904.297.995 | 45,84 |
| 2 | Máy móc thiết bị | 147.989.731.335 | 45.032.632.451 | 30,43 |
| 3 | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 29.503.134.785 | 10.298.612.475 | 34,91 |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3.706.859.365 | 1.304.606.800 | 35,19 |
| 5 | Tài sản cố định khác | 2.143.336.094 | 891.755.897 | 41,61 |
| II | TSCĐ thuê tài chính | - | - | |
| III | TSCĐ vô hình | 7.872.036.840 | 5.641.821.325 | 71,67 |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 7.567.465.000 | 5.641.821.325 | 74,55 |
| 2 | Phần mềm vi tính | 304.571.840 | - | 0 |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017)

▪ **Tình hình Tài sản dở dang**

Bảng 18: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quyền sử dụng đất dự án Định Quán | 3.000.000.000 | 4.300.000.000 | 4.300.000.000 |
| Cụm Công nghiệp Hưng Lộc | 10.213.027.630 | 16.064.905.840 | 59.362.098.017 |
| Các công trình khác | 339.851.023 | 978.521.932 | 978.521.932 |
| Tổng cộng | 13.552.878.653 | 21.343.427.772 | 64.640.619.949 |

(Nguồn: DONAGAMEX-BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất quý II/2018)

12. Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 19: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Hợp nhất của Công ty năm 2018

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2018 | | Năm 2019 (*) | |
|-----|-------------|-------------|-----------------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|
| | | | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2017 | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2018 |
| 1 | Vốn điều lệ | đồng | 109.355.840.000 | - | - | - |

| | | | | | | |
|---|--|------|-------------------|-------|---|---|
| 2 | Doanh thu thuần | đồng | 1.100.000.000.000 | 27 | - | - |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | đồng | 32.000.000.000 | 76,77 | - | - |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | đồng | 25.600.000.000 | 84,35 | - | - |
| 5 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 2,33 | - | - | - |
| 6 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | % | 23,4 | - | - | - |
| 7 | Cổ tức | % | 10-12 | - | - | - |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 ngày 21/04/2018)

(*): Công ty chưa lập kế hoạch kinh doanh năm 2019

▪ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

- Công ty lập kế hoạch SXKD với Doanh thu 1.100 tỷ dựa vào năng lực của các nhà máy và một số đơn hàng của các khách hàng truyền thống. Năm 2018 Công ty tập trung phát triển phương thức kinh doanh FOB cao hơn một mức để tiến tới ODM và linh hoạt trong việc nhận đơn hàng CM xuất khẩu; phát triển các mặt hàng có giá trị và khác biệt cao như: Bộ bảo hộ lao động chống độc và vải không dệt, cùng với việc sắp xếp lại chuyên may theo hướng sản xuất tinh gọn, cải tiến quy trình sản xuất theo hướng xây dựng chuyên treo và đầu tư thiết bị máy móc hiện đại nhằm tăng năng suất.
- Sử dụng nguồn tiền thu được từ đợt phát hành tháng 11/2017 Công ty đã đầu tư 6,3 tỷ đồng vào máy móc thiết bị chuyên dùng nhằm tăng cao năng lực sản xuất kinh doanh đáp ứng lượng đơn hàng ngày càng nhiều hơn cả về số lượng và giá trị trong năm 2018.
- Công ty được hưởng lợi từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, các công ty đa quốc gia của Mỹ đang hoạt động tại Trung Quốc cũng như các công ty nội địa Trung Quốc có động cơ mạnh hơn để chuyển hướng các đơn hàng cũng như hoạt động sản xuất mặt hàng may mặc sang các nước khác nhằm tránh thuế trong đó có Việt Nam trong việc chuyển hướng đầu tư lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực may mặc như Việt Nam. Đã có một số đối tác đến làm việc và thăm dò việc chuyển đổi sản xuất sang Việt Nam với Donagamex, một số hợp tác sẽ được triển khai vào cuối năm.
- Tính đến 30/6/2018, Doanh thu 06 tháng đầu năm 2018 chỉ đạt được 401 tỷ đồng (đạt 36,45% kế hoạch) và Lợi nhuận sau thuế là 11,9 tỷ đồng (đạt 46,5% kế hoạch) là do đặc thù sản phẩm của các đơn hàng Công ty thời gian nửa đầu năm chủ yếu là quần áo Jacket, bảo hộ lao động có giá trị thấp. Đặc thù kinh doanh của Công ty tập trung cao điểm vào giai đoạn từ tháng 5 tới tháng 10 với các mặt hàng giá trị cao sẽ giúp Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD của năm.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty đại chúng

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh

▪ **Chiến lược phát triển:**

➤ Về ngành nghề kinh doanh:

- Tiếp tục kinh doanh ngành may mặc làm nền tảng với cơ sở tập trung tối đa cho phương thức kinh doanh hàng xuất khẩu FOB, thực hiện chuỗi giá trị may mặc ODM, chủ động phát triển trước ODM nội địa, linh động trong việc thực hiện hợp đồng gia công xuất khẩu, đầu tư mở rộng ra xa trung tâm thành phố lớn để tăng năng lực, đầu tư nâng cấp và đổi mới công nghệ cho các khu sản xuất hiện hữu tại Biên Hòa;
- Phát triển kinh doanh đa ngành nghề trên cơ sở chuyển hướng dần sang công nghiệp dịch vụ, kinh doanh khu đô thị thương mại tại Khu A ở Biên Hòa khi chuyển đổi công năng của KCN Biên Hòa 1, thành lập các công ty con hoặc liên kết hạch toán độc lập tại mỗi khu sản xuất để chủ động tổ chức quản lý, điều hành SXKD, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành may mặc và các ngành công nghiệp khác sản xuất sử dụng ít nhân lực.

➤ Về thị trường:

- Giữ vững 3 thị trường xuất khẩu: Nhật Bản, Mỹ, EU;

- Mở rộng thị trường Hàn Quốc, Úc;
- Đồng thời phát triển thị trường nội địa.
- Về nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp:
 - Tăng cường đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, giỏi làm việc theo phong cách quản lý hiện đại kết hợp và kế thừa đội ngũ quản lý có kinh nghiệm;
 - Áp dụng các biện pháp quản lý mới, tinh gọn, hiệu quả;
 - Liên tục cải tiến phát huy hiệu quả SXKD.
- Về chính sách đối với người lao động:

Nâng cao chính sách đãi ngộ, phúc lợi, lương thưởng, để đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần người lao động.

 - **Định hướng phát triển:**
 - Tốc độ tăng trưởng Doanh thu giai đoạn 5 năm có mức bình quân hàng năm từ 15-20%
 - Hoạt động theo mô hình Công ty hiệu quả đạt Doanh thu hàng năm trên 1.000 tỷ đồng
 - Duy trì hoạt động SXKD có lợi nhuận tích lũy, bảo toàn và phát triển vốn
 - Đảm bảo hài hòa 4 lợi ích: Mức thu nhập bình quân của Người lao động đủ để đáp ứng cuộc sống của bản thân và một người phụ thuộc; Mức chi cổ tức cho cổ đông cao hơn mức gửi tiết kiệm ngân hàng; Đóng góp Ngân sách Nhà nước đúng qui định; Duy trì lợi nhuận tích lũy để gia tăng giá trị cổ phiếu và phát triển Công ty bền vững.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng 20: Danh sách HĐQT

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------|-----------|
| 1 | Bùi Thế Kịch | Chủ tịch HĐQT | Điều hành |
| 2 | Vũ Đức Dũng | Thành viên HĐQT | Điều hành |
| 3 | Nguyễn Thanh Hoài | Thành viên HĐQT | Điều hành |
| 4 | Nguyễn Thị Bích Thủy | Thành viên HĐQT | Điều hành |
| 5 | Phạm Hữu Úy | Thành viên HĐQT | Điều hành |

(Nguồn: DONAGAMEX)

1.2 Lý lịch tóm tắt của thành viên HĐQT

▪ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **Bùi Thế Kịch**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/02/1963
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 271202771
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : AA 7, Thất Sơn, cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng sư phạm Hà Bắc, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|----------------------|--|
| 1983 – 09/1984 | Giáo viên trường cấp 2, xã Vạn Ninh, huyện Gia Lương, Hà Bắc |
| 09/1984 – 09/1985 | Giáo viên trường cấp 2, Hồng Dân, Ninh Hải |
| 10/1985 – 03/1993 | Nhân Viên XN May Đồng Nai |
| 03/1993 – 1995 | Trợ lý GD XN1 – Công ty May Đồng Nai |
| 1995 – 01/1996 | Nhân viên kinh doanh – Công ty May Đồng Nai |
| 01/1996 – 07/1997 | Phó phòng Chuẩn bị sản xuất – Công ty May Đồng Nai |
| 07/1997 – 03/2001 | Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty May Đồng Nai |
| 03/2001 – 09/2001 | Giám đốc điều hành Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 09/2001 – 05/2004 | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| Từ 05/2004 – 06/2007 | Tổng Giám đốc Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| Từ 06/2007 – 07/2010 | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| Từ 07/2010 đến nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 5.165.490 cổ phiếu, chiếm 47,23% vốn điều lệ
Trong đó:
 - *Sở hữu cá nhân: 2.354.682 cổ phiếu, chiếm 21,53% vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: 2.810.808 cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, chiếm 25,70% vốn điều lệ*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

| TT | Họ và tên | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|----|---------------------|-------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Bích Lan | Vợ | 609.298 | 5,57 |
| 2 | Nguyễn Khắc Biểu | Em rể | 603.985 | 5,52 |

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc**
- Họ và tên : **Vũ Đức Dũng**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/03/1969

- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 022722323
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 662/2A, Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|--------------------|--|
| 03/1991 – 03/1995 | Nhân viên phòng chuẩn bị sản xuất – Công ty May Đồng Nai |
| 03/1995 – 07/1997 | Phó phòng chuẩn bị sản xuất – Công ty May Đồng Nai |
| 07/1997 – 05/2001 | Trưởng phòng Xuất nhập khẩu Công ty May Đồng Nai |
| 05/2001 – 04/2004 | Trưởng phòng Xuất nhập khẩu Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 04/2004 – 06/2007 | Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 06/2007 – 04/2009 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 04/2009 – 07/2010 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| Từ 07/2010 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 491.965 cổ phiếu, chiếm 4,50% vốn điều lệ
Trong đó:
 - *Sở hữu cá nhân: 491.965 cổ phiếu, chiếm 4,50 % vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- **Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành**
 - Họ và tên : **Nguyễn Thanh Hoài**
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 16/09/1974
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Số CMND : 024515593
 - Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 16, Đường 25, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ may, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|--------------------|---|
| 12/1995 – 07/2000 | Nhân viên Công ty Dệt Việt Thắng |
| 08/2000 – 05/2001 | Nhân viên Phòng Kế hoạch – Công ty May Đồng Nai |
| 05/2001 – 04/2002 | Nhân viên Phòng Kế hoạch – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 04/2002 – 07/2003 | Phó Giám đốc XN May 7 – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 07/2003 – 03/2007 | Giám đốc XN May 7 – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 03/2007 – 06/2017 | Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 06/2007 – 05/2010 | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 05/2010 – 07/2010 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc khu B – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 07/2010 – 10/2013 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc khu B – Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| 10/2013 – 03/2015 | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất – Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| Từ 03/2015 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành – Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành**
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 92.163 cổ phiếu, chiếm 0,84% vốn điều lệ
Trong đó:
 - *Sở hữu cá nhân: 92.163 cổ phiếu, chiếm 0,84% vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- **Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành**
 - Họ và tên : **Nguyễn Thị Bích Thủy**
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 10/04/1970
 - Quốc tịch : Việt Nam

- Số CMND : 270872653
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Sơn Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 192/2, KP4, Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|--------------------|---|
| 05/1988 – 06/1992 | Công nhân XN May 1 – Xí nghiệp May Đồng Nai |
| 06/1992 – 05/2001 | Công nhân XN May 1 – Công ty May Đồng Nai |
| 05/2001 – 05/2004 | Công nhân XN May 1 – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 05/2004 – 02/2006 | Tổ trưởng Tổ chuẩn bị sản xuất XN May 7 – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 02/2006 – 06/2007 | Phó Giám đốc Khu C – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 06/2007 – 06/2010 | Phó Giám Đốc khu B – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 06/2010 – 07/2010 | Phó Giám Đốc khu B – Công ty cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai |
| 07/2010 – 03/2013 | Phó phòng Kế hoạch xuất nhập khẩu – Công ty cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai |
| 03/2013 – 04/2015 | Giám đốc điều hành – Công ty cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai |
| Từ 04/2015 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành – Công ty cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành**
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 125.506 cổ phiếu, chiếm 1,15% vốn điều lệ
Trong đó:
 - *Sở hữu cá nhân: 125.506 cổ phiếu, chiếm 1,15% vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có

| TT | Họ và tên | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|----|---------------------|-------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Bích Lan | Chị ruột | 609.298 | 5,57 |

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

▪ **Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : **Phạm Hữu Úy**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/02/1965
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 271940108
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : Số 58/3, KP2, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học kinh tế Tp. Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|-------------------|---|
| 11/1988 – 11/1991 | Nhân viên Cục Thống kê – Tỉnh Đồng Nai |
| 11/1991 – 05/2001 | Nhân viên phòng Kế hoạch thị trường – Công ty May Đồng Nai |
| 05/2001 – 05/2004 | Nhân viên phòng Kế hoạch thị trường – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 05/2004 – 10/2006 | Tổ trưởng tổ kinh doanh hàng FOB phòng Kế hoạch thị trường - Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 10/2006 – 09/2009 | Phó phòng Kế hoạch xuất nhập khẩu – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 09/2009 – 04/2010 | Quyền Trưởng phòng Kế hoạch xuất nhập khẩu – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 04/2010 – 07/2010 | Trưởng phòng Kế hoạch xuất nhập khẩu – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 07/2010 – 11/2017 | Trưởng phòng Kế hoạch xuất nhập khẩu – Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| 11/2017 đến nay | Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Thành viên HĐQT**
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 248.853 cổ phiếu, chiếm 2,28% vốn điều lệ
Trong đó:
 - *Sở hữu cá nhân: 248.853 cổ phiếu, chiếm 2,28% vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

2. Ban kiểm soát

2.1 Danh sách BKS

Bảng 21: Danh sách BKS

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|----------------|
| 1 | Phạm Xuân Tâm | Trưởng BKS |
| 2 | Vũ Lan Thương | Thành viên BKS |
| 3 | Nguyễn Thị Mỹ Lợi | Thành viên BKS |

2.2 Lý lịch tóm tắt của thành viên BKS

▪ Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : **Phạm Xuân Tâm**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/06/1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 024882758
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : KP4, Phước Long A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân luật
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|--------------------|--|
| 11/1998 – 05/2001 | Nhân viên phòng Kế hoạch xuất nhập khẩu – Công ty May Đồng Nai |
| 05/2001 – 05/2006 | Nhân viên phòng Kế hoạch xuất nhập khẩu – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 05/2006 – 10/2006 | Tổ trưởng tổ thống kê phòng Kế hoạch xuất nhập khẩu – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 10/2006 – 05/2008 | Phó Chánh văn phòng tổng hợp – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 05/2008 – 04/2010 | Phụ trách văn phòng tổng hợp – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 04/2010 – 04/2012 | Chánh văn phòng tổng hợp – Công ty cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai |
| Từ 04/2012 đến nay | Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Trưởng Ban kiểm soát**
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 41.448 cổ phiếu, chiếm 0,38% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 41.448 cổ phiếu, chiếm 0,38 % vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

▪ **Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **Vũ Lan Thương**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 14/03/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 023570492
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : 14 Tô Vĩnh Diện, Phường Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học sư phạm kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|--------------------|--|
| 09/2001 - 05/2003 | Nhân viên văn phòng XN May 5 – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 05/2003 – 09/2004 | Nhân viên phòng Kế hoạch – KHCN – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 05/2004 – 06/2007 | Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 06/2007 – 07/2010 | Thành viên BKS kiêm Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 07/2010 – 04/2015 | Thành viên BKS kiêm Nhân viên phòng tài chính kế Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| 04/2015 – 04/2016 | Thành viên BKS kiêm Phó phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| 04/2016 – 04/2017 | Phó phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| Từ 04/2017 đến nay | Thành viên BKS kiêm Phó chánh văn phòng Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó chánh văn phòng**
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 173.682 cổ phiếu, chiếm 1,59% vốn điều lệ
Trong đó:
 - *Sở hữu cá nhân: 173.682 cổ phiếu, chiếm 1,59% vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: Không có*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- **Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **Nguyễn Thị Mỹ Lợi**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 19/04/1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 271999546
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : C11, KP6, Phường Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|--------------------|---|
| 02/2005 – 09/2007 | Nhân viên phòng KHXNK – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 09/2007 – 07/2010 | Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 07/2010 – 04/2016 | Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| 04/2016 – 05/2017 | Thành viên BKS kiêm Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| Từ 05/2017 đến nay | Thành viên BKS kiêm Nhân viên Phòng KHXNK – Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng KHXNK**
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Trong đó:
- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: Không có*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

3.1 Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Bảng 22: Danh sách Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------|-------------------|
| 1 | Bùi Thế Kịch | Tổng Giám đốc |
| 2 | Vũ Đức Dũng | Phó Tổng Giám đốc |

| | | |
|---|----------------------|-----------------------------|
| 3 | Nguyễn Thị Bích Thủy | Giám đốc điều hành |
| 4 | Nguyễn Thanh Hoài | Giám đốc điều hành |
| 5 | Bùi Thế Hiệp | Phụ trách Tài chính kế toán |

3.2 Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

▪ **Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành: Xem mục 1**

▪ **Phụ trách Tài chính kế toán**

- Họ và tên : **Bùi Thế Hiệp**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 28/08/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 272386189
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : 120/74/KP6, Phường Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán Doanh nghiệp
- Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ |
|--------------------|--|
| 04/2002 - 04/2006 | Nhân viên lao động tiền lương XN May 6 – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 04/2006 – 03/2007 | Nhân viên phòng KHXNK – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 03/2007 – 03/2008 | Phụ trách kế toán thống kê XN May Định Quán – Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 03/2008 – 11/2010 | Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần May Đồng Nai |
| 11/2010 – 04/2015 | Phó phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| 04/2015 – 11/2017 | Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |
| Từ 11/2017 đến nay | Phụ trách Tài chính kế toán Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: **Phụ trách Tài chính kế toán**
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 227.149 cổ phiếu, chiếm 2.08% vốn điều lệ
- Trong đó:
- *Sở hữu cá nhân: 227.149 cổ phiếu, chiếm 2.08 % vốn điều lệ*
 - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 05 thành viên, các thành viên HĐQT hiện nay đều là thành viên kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty chưa đáp ứng đúng quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 07/09/2017 có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Công ty cam kết sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất để có những điều chỉnh phù hợp theo qui định. Bên cạnh đó Công ty sẽ:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị: Quy chế quản trị nội bộ công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; Các quy chế và quy định nội bộ khác;
- Đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên Công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn;
- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty;
- Tuân thủ theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin. Ngày 21/4/2018 ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty đã thông qua Điều lệ Công ty được sửa đổi theo Điều lệ mẫu qui định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 và theo các quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Hiện tại, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đang kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, vì vậy Công ty cam kết kiến toàn lại bộ máy lãnh đạo để phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Ngoài ra, hiện tại, Trưởng Ban kiểm soát của Công ty chưa phải là kế toán viên hay kiểm toán viên theo quy định về quản trị công ty, công ty cam kết sẽ kiến toàn nhân sự Ban kiểm soát phù hợp với quy định về quản trị trong thời gian tới.

III. PHỤ LỤC

Phụ lục 01: BCTC Kiểm toán năm 2017 riêng và hợp nhất của CTCP Tổng công ty May Đồng Nai;

Phụ lục 02: BCTC Q2/2018 riêng và hợp nhất của CTCP Tổng công ty May Đồng Nai.

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

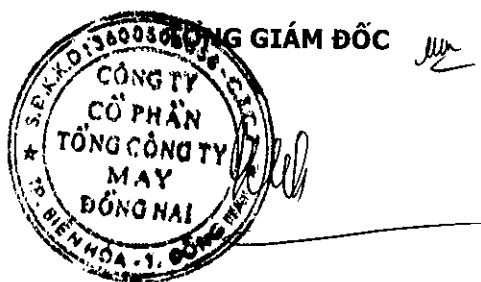
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC HOÀN

CTCP TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THẾ KÍCH